

# Chuyện Chú A Tỷ và Tiểu Thanh

BS. Đỗ Duy Ngọc

Hồi mới vô Sài Gòn, tôi thuê căn nhà nhỏ trên kênh Nhiêu Lộc ở cùng với mấy người bạn. Đầu hẻm ở mặt tiền đường có một tiệm tạp hoá của một gia đình người Hoa. Có người gọi là tiệm chạp phô. Chắc là gọi theo tiếng Quảng. Chủ tiệm là một người đàn ông trung niên, lúc nào cũng mặc chiếc áo thun ba lỗ với cái quần chỉ ngắn đến đầu gối. Chú đi chiếc xe Honda Dame màu đỏ, loại bán cho quân nhân hồi xe Honda mới nhập vào miền Nam.



*Kênh Nhiêu Lộc*

Có hai lý do mà đám sinh viên chúng tôi để ý đến tiệm tạp hoá này. Thứ nhất tiệm này cần mua gì cũng có, bán giá rẻ hơn nơi khác, dù chỉ vài đồng, nhưng sinh viên nghèo mà, rẻ hơn đồng nào đỡ đồng đó. Tiệm lại luôn mở cửa để bán hàng cho khách. Nhiều lần đi chơi đêm về khuya lác lợ, muốn mua mấy gói mì hay chai bia con cọp, đập cửa rầm rầm, chú vẫn vui vẻ mở cửa bán hàng. Thứ hai là chú có cô con gái khá dễ thương. Tóc bím hai bên, da trắng hồng, lại hay mặc áo cát theo kiểu người Hoa, nhìn ngộ lắm. Cô bé chắc nhỏ hơn tụi tôi vài tuổi. Thằng nào đi đâu về trước khi vào hẻm cũng liếc vào xem cô bé có ở tiệm không, dù chưa đứa nào tán được cô bé một câu.

Chú tên A Tỷ, cô bé tên Tiểu Thanh. Biết tên cô bé là do công của tôi. Một lần vào tiệm mua đồ, chú A Tỷ lấy hàng, cô bé ngồi học bài ở gần kệ thu tiền, tôi thấy trên nhãn vở đề tên Tiểu Thanh bằng tiếng Hoa. Tôi là dân học Việt Hán, hai chữ này cũng dễ đọc nên tôi đọc được ngay. Tôi hỏi:

- Em tên Tiểu Thanh à?

Cô bé ngược lên nhìn tôi, đôi mắt tròn xoe ngạc nhiên, cười rồi lại cúi xuống không trả lời. Chú A Tỷ đưa hàng, tôi không có lý do gì nán lại đành đi về. Về nhà, tôi nở với mấy đứa cùng phòng là đã nói chuyện được với cô bé, biết được tên cô bé, mấy đứa phục tôi lắm.

Chú A Tỷ cũng được mọi người chung quanh và cả những người ở trong xóm sêu thương yêu vì chú lúc nào cũng nhẹ nhàng, mua bán đàng hoàng, biết gia đình nào khó khăn có khi chú không lấy tiền, lại cho thêm vài món. Nhờ thế, chú buôn bán phát đạt, hàng hoá càng ngày càng phong phú. Tết đến, chú mang tặng những gia đình nghèo trong xóm "bờ kênh nước đen" gói quà có mứt, bánh và lạp xường. Họ biết ơn chú lắm nên mua gì cũng ra tiệm của chú. Ăn Tết xong chú sửa nhà, xây thêm hai tầng, cửa tiệm bây giờ không còn là tiệm tạp hoá nho nhỏ nữa mà là một cửa hàng rộng rãi với hàng hoá chất đầy. Đàng sau chú làm cái kho, chứa gạo, đường, sữa... đầy nhóc. Mà quên, chưa nói đến vợ chú. Đó là người đàn bà Hoa có khuôn mặt phúc hậu, ít nói nhưng hay cười. Cũng là người tốt như chú. Chiều chiều, ngồi bán hàng thấy mấy đứa nhỏ đi học về, bà hay kêu vào lúc cho cái bánh, khi cho cái kẹo nên mấy đứa nhỏ thương bà lắm. Lúc nào gặp bà cũng vòng tay chào rất lễ phép.

Từ hôm biết tên cô bé là Tiểu Thanh, tôi lại càng siêng ghé tiệm của chú mua đồ, có khi mấy đứa bạn cần mua gì tôi lại xung phong đi mua giúp. Nhưng cũng hiếm khi gặp cô bé, nhất là khi nhà có thêm tầng lầu, chắc là cô bé ngồi học trên đó. Mà hoá hoàn có gặp, tôi cười chào thì cô bé cũng chỉ nhớn cái miệng rất xinh cười lại thôi, chứ chẳng nói được gì. Nhưng rồi tôi cũng gặp may một lần. Hôm đó trên đường từ Đại học Văn Khoa về, xe bus thả tôi xuống đầu đường Trương Minh Giảng. Vừa xuống xe thì gặp Tiểu Thanh đang loay hoay với chiếc xe đạp tuột xích. Trưa nắng gắt, cô bé sửa hoài mà không gắn được sợi xích vào ổ lýp, mặt đầy mồ hôi, má ửng hồng vì nóng. Thế là tôi ra tay hiệp sĩ, sửa xe cho nàng rồi luôn tiện xin đi ké chờ nàng về luôn. Từ đó, tôi thường gặp cô bé hơn qua những cuộc hẹn. Thì cũng chỉ đi loanh quanh bằng chiếc xe đạp của Tiểu Thanh, bởi lúc đấy tôi chẳng có xe xiếc gì, đi đâu cũng cước bộ hay đi xa hơn thì có xe bus vàng. Đi ngồi quán thì cũng chỉ là những quán chè, quán nước bên đường hay mấy quán gói đu đủ, bột chiên.

Có lẽ cô bé cũng biết tôi là sinh viên nghèo nên em chẳng bao giờ có ý kiến chi. Nói chuyện với nhau thì cũng là chuyện nắng mưa, chuyện học hành, luẩn quẩn lần nào cũng từng đấy chuyện. Tôi cũng hay hỏi em về những chữ Hán, những bài thơ Đường dù lúc đấy em mới học lớp mười một theo chương trình của Đài Loan. Tình thì cũng đã bén rồi, nhưng cả hai chẳng ai đề cập đến. Đến cái nắm tay, cái vuốt ve cũng chưa có dù cả

hai đã có mấy lần vào Rex xem phim. Thế nhưng mấy đĩa trong phòng thường được nghe tôi kể xạo như trong tiểu thuyết Quỳnh Giao, lãng mạn lắm, tình cảm lắm, thằng nào cũng phục lẫn, lè lưỡi thèm thườg.

Cuối năm đấy, tôi có được một học bổng của Bộ Giáo Dục đi du học ở Pháp. Mừng vì được đi nước ngoài học nhưng cũng buồn vì xa Tiểu Thanh dù tình cảm cũng đang lửng lơ nửa vời. Tôi và Tiểu Thanh ngồi với nhau ở kem Bạch Đằng, đây là lần đầu tiên tôi xài sang thế. Và cũng lần đầu tôi cầm tay Tiểu Thanh để thông báo cho nàng tôi sắp đi học xa. Tiểu Thanh vẫn để yên bàn tay của em trong bàn tay tôi và em khóc. Tôi hỏi:

- Em chờ anh được không?

Em bảo:

- Em chờ, bao lâu em cũng chờ. Ba em đang chuẩn bị cho em sang Đài Loan học Đại học, nhưng chắc em không đi. Em không muốn sống xa Ba Má, không nỡ để Ba Má ở một mình. Em ở lại Việt Nam chờ anh về.

Và thế là tôi đi. Hành trang tôi mang theo chẳng có gì chỉ là chiếc va li nhỏ. Tiểu Thanh gửi tôi món quà là chiếc khăn tay có thêu tên tôi và tên nàng và một lá bùa nhỏ gói trong chiếc khăn màu đỏ rực. Nàng bảo đó là lá bùa hộ mệnh giúp tôi luôn được mạnh khỏe và sẽ thành công.

Mấy năm ở Pháp, tuần nào tôi cũng gửi thư về cho nàng, và tuần nào tôi cũng nhận được thư của Tiểu Thanh. Tôi cũng thường gửi quà cho em, sinh viên nghèo, học bổng chẳng là bao chỉ đủ chi tiêu tằn tiện nên quà cũng chỉ là những món đồ kỷ niệm ít tiền, nhưng Tiểu Thanh rất vui. Nàng cũng báo tin là Ba Má nàng đã chấp nhận không qua Đài Loan học nữa. Và Tiểu Thanh trông ngóng tôi về.

Giáng sinh năm 1974, tôi về nước. Tiểu Thanh bây giờ là một cô gái hăm mốt tuổi, xinh hơn nhiều trong ý nghĩ của tôi. Chú A Tỷ vẫn vậy, vẫn cái áo thun ba lỗ và chiếc quần ngắn ngang đầu gối và vẫn cỡi chiếc xe Honda Dame màu đỏ. Tôi và Tiểu Thanh bàn cách để nói chuyện với chú A Tỷ xin cưới Tiểu Thanh làm vợ. Bởi phong tục người Hoa không muốn con gái lấy trai Việt, nên đó là cản trở lớn nhất của chúng tôi. Chưa có dịp để nói chuyện thì chiến sự càng ngày càng gay gắt. Và rồi 30.4.75, bộ đội miền Bắc chiếm được Sài Gòn. Chú A Tỷ vẫn bình thản vì chú bảo mình làm ăn lương thiện, chế độ nào cũng cần phải ăn để sống, chú cũng chẳng tham gia chính quyền cũ, chú sống tốt với mọi người, chú không có kẻ thù, chú không có gì phải ngại chính quyền chế độ mới.

Nhưng rồi tai hoạ ập xuống gia đình chú. Vợ chú bị đau ruột thừa, vào bệnh viện, tình hình đang lộn xộn, bác sĩ cũ lớp thì di tản, lớp thì còn đang e ngại, lớp thì đi học tập chưa về, đa số là các bác sĩ và y tá trong rừng ra và ngoài Bắc vào. Chẳng biết họ chữa làm sao mà thím A Tỷ bị vỡ phúc mạc, chết trên bàn mổ. Tiểu Thanh khóc sưng cả mắt, chú A Tỷ thì như người mất hồn cứ đi ra đi vào và hỏi sao lại thế, sao lại thế? Lúc đấy xã hội lộn xộn lắm, ai cũng thu mình lại, dẫu mình đi vì sợ. Bang hội của chú cũng đến giúp tang ma. Tôi cùng bạn bè và bà con trong xóm cũng lặng lẽ đến để đám tang được trọn vẹn. Chú A Tỷ ngờ ngẩn cả tháng trời, Tiểu Thanh cũng buồn bỏ cả ăn uống, người gầy rạc đi. Thế là chúng tôi chưa có dịp để nói chuyện cưới xin, mà phải đợi ít năm nữa sau khi mãn tang mới bàn tính được.

Nhưng tai hoạ không chỉ dừng lại đó, mấy tháng sau gần ngày tết Trung thu năm 75, lúc đó khoảng bảy giờ tối, Tiểu Thanh hét hoảng đạp xe đến báo cho tôi hay là bộ đội vào nhà, đang kiểm kê và niêm phong hàng hoá, kết tội chú A Tỷ là tư sản bóc lột, làm giàu trên xương máu nhân dân. Tôi chờ nàng chạy về thì thấy bộ đội súng ống kè kè đi với một đám tay đeo băng đỏ cũng rần rộ súng ống đang lũng sục trong cửa hàng, mặt ai cũng đờ đờ sát khí. Chú A Tỷ thì vẫn áo ba lỗ và quần ngắn thường ngày, ngồi gục đầu như tượng, họ bảo ký vào đâu thì ký vào đó, không nói một lời. Tiểu Thanh thì run rẩy đứng tựa vào người tôi, đôi mắt mở to, uất hận đầy nước mắt nhưng cũng chẳng nói gì. Đến nửa đêm thì họ đọc quyết định tịch thu hàng hoá và căn nhà, ra lệnh gia đình chuẩn bị để đi vùng kinh tế mới. Lúc đó chú A Tỷ ngã ra bất tỉnh, Tiểu Thanh cũng gục trên vai tôi, mặt xanh như xác chết. Cả một đời gầy dựng, cả một đời làm ăn lương thiện chỉ một lời quyết định, người ta đã lấy hết, tịch thu hết lại còn kết án là kẻ bóc lột, đuổi đi vùng kinh tế mới.

Chú A Tỷ vừa lay tỉnh, chú nhìn quanh, hét lên một tiếng lớn, đầy căm hờn như tiếng thú trong cơn tuyệt vọng cùng đường rồi lại ngã ra sàn bất tỉnh lần nữa. Tiểu Thanh cũng hét lên tiếng hét ai oán "Ba ơi!" rồi gục trên thân thể lạnh giá của cha. Tình trạng thảm thương đó chẳng làm động lòng đám người thi hành lệnh, họ vẫn mặt lạnh như tiền, súng gờm gờm trên tay như sẵn sàng nhả đạn những ai có hành động phản kháng. Hàng hóa ngổn ngang, không khí như nén lại. Tôi bất lực chẳng biết phải làm gì ngoài việc cứ xúc dầu cho chú A Tỷ.

Sáng hôm sau, đoàn xe đến chờ người đi vùng kinh tế mới. Tiếng loa oang oang như nhói vào tai, bộ đội, du kích súng ống kè kè đưa từng hộ gia đình lên xe. Những người bị đưa đi ngỡ ngác nhìn, đau khổ nhìn, uất ức nhìn nhà cửa, tài sản của mình đóng dấu niêm phong với dấu đỏ loè loẹt như những vết máu. Tôi ngồi theo xe cùng chú A Tỷ và Tiểu Thanh, đồ đạc chỉ được phép lấy mang theo là mấy cái nồi niêu, song chảo và mùng mền chiếu gối. Tài sản bao nhiêu năm giờ chỉ là một đồng đồ chẳng giá trị gì. Chú A Tỷ vẫn im lặng gục đầu. Tiểu Thanh vẫn đầy nước mắt, ngỡ ngác không biết ngày mai sẽ ra sao? Nhiều người quay đầu nhìn lại, họ biết tất cả sẽ chẳng còn gì, tất cả đã bị tịch thu.

Xe chạy gần một ngày, qua những đoạn đường đầy bụi, xe dần xóc liên tục, mặt mũi ai cũng bơ phờ đầy bụi đỏ. Đến chiều khi mặt trời đỏ như máu đang dần xuống ở đầu ngọn cây thì đoàn xe dừng lại. Mọi người bị lừa xuống một khoảng rừng thưa, trước là một bãi đất đầy cỏ dại ngút ngàn, khô cằn, hoang vu trong hoàng hôn. Có lác đác mấy lều tạm bợ đã được dựng sẵn. Loa lại kêu từng hộ gia đình vào lều, nhìn cảnh tượng như cảnh nhập trại tù binh của người Do Thái thời phát xít Đức. Buổi cơm tối được nấu tạm bợ trong chập choạng mờ tối với những ánh lửa hiu hắt. Nhưng chẳng ai nuốt nổi. Cả ngày đi đường quá mệt, tâm trạng lại rối bời, lại nhìn cánh rừng mà mốt mai phải sống ở đây, ai cũng lác đầu ngao ngán. Nghe mọi người bảo đây là vùng Đắc Nông, Phước Long gì đó. Nghe như chốn xa vạ dậm nào. Tôi thu xếp cho Tiểu Thanh và chú A Tỷ có một chỗ tạm ngụ, sáng hôm sau tôi lại bu mấy xe đồ chạy than về lại thành phố.

Lúc này tôi đã nộp đơn xin đi làm mấy cơ quan, nhưng chẳng chỗ nào nhận. Họ bảo lý lịch của tôi có nhiều điểm bất minh, cần làm rõ. Đặc biệt là sao tôi lại trở về Việt Nam vào tháng 12 năm 1974. Họ cho công an điều tra xem tôi trở về để làm gì? Có nhận nhiệm vụ gì của tổ chức nào không v...v...? Cũng may, cuối cùng tôi cũng được Sở Giáo dục nhận, nhưng cũng do lý lịch, họ đẩy tôi về dạy học ở Củ Chi. Có lẽ lúc này nhà nước đang thiếu giáo viên quá. Nhìn ngôi trường, tôi quá ngao ngán. Đó là một ngôi trường quê, chỉ có một dãy khoảng năm phòng làm lớp học, một dãy nhà lợp tôle khác gồm hai phòng làm phòng ban giám hiệu và kho chứa đồ. Ban đêm thầy cô giáo xếp bàn làm giường, giảng mùng nằm ngủ. Các tiện nghi sinh hoạt thiếu thốn trầm trọng. Tôi tự nhủ cố gắng cho qua rồi tính tiếp.

Tôi không có giờ dạy ngày thứ hai, nên hai tuần một lần thứ bảy tôi qua mấy chặng xe lên Đắc Nông thăm Tiểu Thanh và chú A Tỷ, sáng thứ hai hoặc tối chủ nhật lại bu mấy chặng xe về. Có mấy thứ nhu yếu phẩm cần con, có khi chỉ vài muỗng bột ngọt, miếng vải mùng, nhúm hạt tiêu, vài ba gói thuốc lá đen, tôi cũng để dành mang lên cho họ. Họ sống khó khăn quá. Toàn dân thành phố mà bây giờ phải vào rừng chặt cây dựng nhà, học cách trồng cây, gieo mạ, cấy lúa trên miếng đất khô cằn. Lác đác đã có người trốn về. Nhưng về thành phố rồi làm gì, ở đâu? Họ biến thành những kẻ đầu đường xó chợ. Lương thiện thì đi ăn xin, bắt lương thì đi ăn trộm, móc túi để sống.

Tôi thấy Tiểu Thanh và chú A Tỷ ở đây không ổn rồi, tôi đang tính cách để đưa họ về lại thành phố mà tính mãi chưa ra. Tính chưa xong thì lần thứ ba tôi lên lại Đắc Nông, tôi chứng kiến Tiểu Thanh cùng hai người khác khi đi rừng bị rắn độc cắn. Ba nạn nhân được dân chúng gánh về bệnh viện bằng cái võng và thân cây tre làm đòn khiêng. Chẳng có phương tiện nào khác. Tôi vừa chạy theo vừa niệm khấn cầu Quan Thế Âm Bồ Tát, nhưng người không đoái hoài. Và cả ba đã chết trên đường đi. Nửa người của Tiểu Thanh tím đen vì nọc độc, mắt Tiểu Thanh không nhắm, mở trừng trừng như muốn nhìn thấu nỗi oan khiên. Chú A Tỷ một lần nữa ngã quy, chú bây giờ như bộ xương khô, đôi mắt lác thần, khuôn mặt như kẻ điên dại.

Tiểu Thanh được chôn trong nghĩa địa vừa mới hình thành, lác đác đã có gần chục nấm mồ mới mọc, cỏ chưa kịp xanh vì tuần nào cũng có người chết. Kẻ bị rắn cắn, người bị cây đè, người khác bị bom mìn còn sót nổ khi cuốc đất, người thì thấy bết tắc quá, tự tử chết, đủ cách để chết. Tôi khuyên chú A Tỷ trốn về, nhưng chú bảo bây giờ còn mộ Tiểu Thanh ở đây, con mới mất, chú đi không đành, ở lại để chiều chiều, sáng sáng thấp cho nó cây nhang, đêm đêm chuyện trò với nó, kéo nó buồn, nó tủi thân. Tôi chỉ biết khóc, tội nghiệp Tiểu Thanh quá. Và tội cho chú A Tỷ nữa. Cũng tội nghiệp cho mọi người bị lừa lên đây. Họ làm gì nên tội. Đã lấy tài sản một đời gom góp của họ, đã cướp nhà của họ, có người chồng đã đi vào trại cải tạo không có ngày về, sao lại đày đoạ họ đến đây với rừng rú, với hoang địa, với đói nghèo và cận kề cái chết như thế này? **Cùng một dòng máu đỏ da vàng mà sao người ta tàn nhẫn thế, ác nhân thế? Mà thật ra có thù hằn gì nhau đâu mà phải trả thù. Họ có tội gì đâu mà bắt họ đền tội.**

Tôi vẫn tiếp tục đi dạy học ở trường quê đấy. Hàng ngày phải gào giọng rao giảng những điều giả dối, hàng ngày phải tuôn ra những lời ca tụng thời đại đẹp nhất trong lịch sử, ca ngợi những con người đang đày đoạ

nhân dân mình trong đói nghèo và lạc hậu. Thịnh thoảng đôi tuần, tôi lại bu xe về Đắc Nông thăm chú A Tỷ. Có nhiều đêm hai chú cháu nằm nói chuyện suốt đêm trong nước mắt. Chú bảo:

- Chú biết con và Tiểu Thanh thương nhau, nếu ngày xưa chắc hôn sự khó thành, nhưng thời buổi đảo điên này, chú định bỏ qua lệ ấy mà tác thành cho hai đứa, không ngờ mẹ nó chết rồi đến nó cũng không sống được. Chú quý con lắm, thôi thì số phận đã thế thì mình phải chịu phần số thế thôi.

Rồi chú lại khóc. Chú ôm chặt vai tôi mà khóc, nước mắt đầm vai tôi, rồi chú uống rượu, uống nhiều lắm dù trước đây chú chưa bao giờ biết đến rượu bia.

Mấy tháng cuối năm học, luyện cho học trò thi tốt nghiệp, rồi bận gác thi, chấm thi, tôi không ghé thăm chú được. Lúc công việc đã vãn, lên thăm thì nghe người ta bảo chú bị lên cơn điên, đưa vào bệnh viện huyện rồi chú trốn về mất biệt, không biết đi đâu. Tôi về thành phố, tìm khắp không gặp chú. Cuối cùng tôi nghĩ bụng chắc chú về khu nhà cũ. Đứng y như thế. Chú về căn nhà cũ, tối nằm ở vỉa hè trước nhà, ngày đi lượm ve chai, đói ai cho gì ăn đấy.

Căn nhà của chú cấp cho gia đình cán bộ ngoài Bắc vào. Cũng có vài lần họ đuổi chú đi, nhưng chú lại về, ngủ ở đấy mặc họ la hét, chửi rủa, riết rồi họ chán, họ im. Lâu lâu có dịp về thành phố, tôi lại tìm đến chú, hai chú cháu ra quán, kêu vài món, vài ly bia hơi nhạt nhẽo, lần nào chú cũng khóc. Chú càng ngày càng gầy, áo quần rách rưới. Giờ chú không còn mặc áo thun ba lỗ với chiếc quần ngắn đến đầu gối nữa. Chú mặc bất cứ thứ gì kiếm được hoặc của mọi người mang đến cho. Dân ở khu đấy đã từng biết chú cũng hay giúp chú miếng ăn khi đói, viên thuốc khi bệnh. Nhưng mà lúc đấy ai cũng khó khăn, ai cũng túng bấn, không có gạo trắng để ăn, lương thực toàn bo bo với bột khoai mì với vài ba ký gạo hầm. Nhiều khi nhiều người muốn giúp chú mà cũng chẳng có gì để giúp.

Mùa mưa năm 1977, không hiểu sao Sài Gòn cứ mưa mãi thế. Nhiều lúc mưa từ nửa khuya cho đến hết ngày. Mưa như trút nước. Mưa như trời giận dữ loài người. Lại thêm bệnh ghê ngứa. Không biết sao mà người bị bệnh đó lắm thế. Mọi người cứ gãi sồn sột. Gãi đến tróc da, chảy máu. Con nít ngứa khóc suốt đêm, người lớn ngứa không ngủ được. **Vào bệnh viện toàn cho thuốc xuyên tâm liên. Bệnh gì cũng xuyên tâm liên. Xuyên tâm liên là thuốc tiên, chữa bá bệnh.**

Buổi chiều hôm đấy trời mưa, một trận mưa lịch sử. Đường sá Sài Gòn ngập lên đến bụng, cả thành phố như một biển nước. Lại thêm gió ào ạt, nghe đâu có bão rớt. Lo cho chú A Tỷ, đêm hôm sau tôi ghé chú vì chú chỉ về đó ban đêm. Đến nơi không thấy chú, hỏi thăm thì mọi người bảo chú chết rồi, chết đêm qua, trong cơn mưa bão. Xác chú đập dềnh suốt đêm trước cửa nhà. Sáng sớm bà giúp việc mở cửa định tát nước ra thì thấy xác chú lửng lững trôi vào nhà. Bà giúp việc hoảng quá la hét rầm trời bỏ chạy. Bà chủ nhà trên lầu bước xuống thấy xác chú vào đến giữa nhà, xoay mòng mòng theo con nước dội vào nhà khi có xe qua, bà sợ quá hét lên một tiếng rồi ngất xỉu. Ông chủ nhà là một cán bộ lãnh đạo của thành phố cũng từ trên lầu chạy xuống, thấy xác chú quay tròn giữa phòng khách thì cũng cứng đờ người, sai bà giúp việc lấy cây đẩy ra, nhưng càng đẩy ra, xác lại giạt vào. Ông ta hoảng quá gọi công an. Một giờ sau công an có mặt, xác vẫn xoay tròn. Công an làm biên bản, gọi xe cứu thương đến nhận xác. Lúc đấy, nước bắt đầu rút, xác chú A Tỷ xoay đến chân cầu thang, nằm lại đó, đôi chân như muốn bước lên. Người ta chở xác chú đi đâu không rõ.

Từ đấy, người ta đồn nhà ấy có ma. Đêm đêm có người đàn ông đi lên đi xuống cầu thang. Có người còn kể thấy chú đứng ở balcon, mặc áo thun ba lỗ với chiếc quần ngắn đến đầu gối nhìn xuống đường. Gia đình cán bộ hãi quá, xin đổi nhà khác. Những gia đình đến sau đấy cũng ở không yên, đêm thì nghe tiếng khóc, đêm thì nghe tiếng người đi, đêm thì thấy bóng người ngồi thu lu trên ghế. Người không ở được, nhà nước chuyển thành văn phòng của ủy ban phường, sau đó thành đồn công an phường. Máy anh công an kể đêm nào cũng thấy ma. Đến thời kỳ đổi mới, nhà nước bán cho một công ty nước ngoài đập bỏ xây cao ốc. Không biết chú còn vất vưởng ở đó không hay đầu thai kiếp khác rồi. Và cũng từ đấy, ngôi nhà, cơ nghiệp cả đời của chú A Tỷ đã biến mất, chẳng còn dấu tích gì trên cõi đời này nữa.

Đỗ Duy Ngọc